

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**ĐỀ CHÍNH THỨC****ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM
ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2005****Môn: Văn, Khối D**

(Đáp án – Thang điểm có 3 trang)

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
I		Những nét chính trong sự nghiệp thơ văn của Xuân Diệu	2,0
	1	<p>Xuân Diệu là một tác gia lớn, một tài năng nhiều mặt trong nền văn học Việt Nam. Nhưng nói đến Xuân Diệu, trước hết phải nói đến một nhà thơ. Sự nghiệp sáng tác thơ của Xuân Diệu chia làm hai giai đoạn: trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945.</p> <p>a. Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945: Xuân Diệu được xem là nhà thơ lãng mạn tiêu biểu của phong trào Thơ mới. Trong thơ, Xuân Diệu bộc lộ hai tâm trạng trái ngược: yêu đời, tha thiết với cuộc sống nhưng hoài nghi, chán nản, cô đơn. Dù ở trạng thái cảm xúc nào, Xuân Diệu cũng thể hiện cái tôi cá nhân của mình hết sức mãnh liệt. Xuân Diệu rất nổi tiếng ở mảng thơ tình yêu. Tác phẩm có: <i>Thơ thơ, Gửi hương cho gió</i>.</p> <p>b. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945: Xuân Diệu hoà mình vào cuộc sống mới, nhiệt thành đem nghệ thuật phục vụ Cách mạng. Thơ ông có những thay đổi về đề tài, cảm hứng, chất liệu, ngôn từ và cách biểu hiện. Ông bám sát đời sống, viết nhiều về công cuộc xây dựng đất nước và đấu tranh thống nhất nước nhà. Những tập thơ chính: <i>Mũi Cà Mau - Cầm tay, Một khối hồng, Hai đợt sóng...</i></p>	0,75 0,75
	2	Bên cạnh sáng tác thơ, Xuân Diệu còn viết văn xuôi, nghiên cứu, phê bình văn học và dịch thuật. <i>Phấn thông vàng</i> và <i>Trường ca</i> là hai tập văn xuôi đặc sắc của ông. Xuân Diệu để lại những tập tiểu luận phê bình có giá trị: <i>Tiếng thơ, Phê bình giới thiệu thơ, Dao có mài mới sắc...</i>	0,5
		<p>Lưu ý câu 1:</p> <p>- Thí sinh chỉ nêu vấn đề các ý đã học trong sách giáo khoa, không cần trích dẫn tác phẩm; có thể không nêu hai tập Thơ thơ và Gửi hương cho gió, vì sách giáo khoa không đề cập đến.</p> <p>- Nội dung của ý 2 có thể đưa vào ý 1, nhưng phải trình bày hợp lí.</p>	
II		Phân tích vẻ đẹp của tình người và niềm hi vọng vào cuộc sống ở các nhân vật: Tràng, người vợ nhặt, bà cụ Tứ trong truyện ngắn Vợ nhặt (Kim Lân).	5,0
	1	Giới thiệu chung	0,5
		<p>- Kim Lân từng sáng tác trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhưng chỉ sau 1945, ông mới thực sự có vị trí trong nền văn học Việt Nam. Ông viết không nhiều, nhưng đã đạt được những thành công đáng kể, đặc biệt là về đề tài nông thôn.</p> <p>- <i>Vợ nhặt</i> của Kim Lân (in trong tập <i>Con chó xấu xí</i> -1962) là tác phẩm đặc sắc viết về nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu. Trên cái nền tăm tối ấy, nhà văn đã miêu tả cảnh ngộ của những con người nghèo khổ ở xóm ngụ cư với cái nhìn nhân hậu, phát hiện ở họ vẻ đẹp của tình người và niềm hi vọng vào cuộc sống.</p>	0,5
	2	Phân tích cụ thể	4,5
		<p><i>Vợ nhặt</i> tái hiện một bức tranh cuộc sống rất bi thảm. Nạn đói hoành hành dữ dội. Người chết như ngã rạ. Người sống thì lay lắt bên bờ vực thẳm. Thế nhưng, qua các nhân vật chính trong tác phẩm, tác giả lại cho ta thấy rằng: ngay trong hoàn cảnh khốn cùng, những con người này vẫn không mất đi những nét đẹp vốn có của họ.</p> <p>a. Tràng</p> <p>- Thái độ của Tràng đối với người đàn bà xa lạ đói rách là biểu hiện của tình người đẹp đẽ trong một hoàn cảnh đói nghèo, cùng quẫn: cứu mang người cùng cảnh ngộ (chi tiết Tràng mời người đàn bà một bữa bánh đúc rồi chấp nhận việc chị ta theo mình về nhà dù cảm thấy hơi "chợn"); nảy sinh những tình cảm mới mẻ, những cảm</p>	0,75

	<p>giác lạ lùng (các chi tiết: trên đường về, Tràng đã nhận thấy tình nghĩa đối với người đàn bà đi bên, bối rối trước nỗi buồn của chị ta...).</p> <p>- Sau tình huống nhật vợ, niềm hi vọng vào cuộc sống đã thể hiện rõ rệt ở Tràng: vui sướng trước hạnh phúc bất ngờ (phân tích ý nghĩa chi tiết mua dầu để thắp, ý nghĩa những cái cười của Tràng: <i>bật cười, cười tươi...</i>); gắn bó hơn với gia đình, nghĩ về trách nhiệm của bản thân (<i>thấm thía cảm động, vui sướng phấn chấn, thấy mình nên người</i> và nhận ra bản phận phải lo lắng cho vợ con sau này...); nghĩ tới sự đổi thay của cuộc sống dù chưa ý thức đầy đủ (thoáng trong đầu óc Tràng hình ảnh đoàn người đối kéo nhau đi trên đê với lá cờ đỏ phấp phới...).</p>	0,75
	<p>b. Người vợ nhật</p> <p>- Tình cảnh khốn khổ đã không làm mất đi tình người ở nhân vật này. Lúc đầu cái đói làm chị tiêu tụy cả hình hài, không giữ được cả sự e dè vốn có của người phụ nữ. Nhưng từ khi theo Tràng, chị thay đổi hẳn: không còn "chao chát, chỏng lỏn" mà trở thành người "hiền hậu, đúng mực" (làm sáng tỏ bằng việc phân tích một số chi tiết tiêu biểu). Thiên chức, bổn phận làm vợ ở chị đã được đánh thức (vấn vương những tình cảm mới mẻ; cư xử với Tràng mộc mạc, chân tình; mắng yêu khi Tràng khoe chai dậu vừa mua...).</p> <p>- Sự trở dậy của niềm hi vọng: nhen nhóm, vun đắp tổ ấm hạnh phúc (cùng mẹ chồng sắp xếp, dọn dẹp nhà cửa...); thoáng nghĩ tới một sự thay đổi (nhắc chuyện ở mạn Thái Nguyên, Bắc Giang, người ta không chịu đóng thuế, còn phá kho thóc của Nhật chia cho người đói...).</p>	0,5 0,5
	<p>c. Bà cụ Tứ</p> <p>- Nhân vật này cho thấy rõ nhất vẻ đẹp của tình người trong tác phẩm <i>Vợ nhật</i>. Vẻ đẹp đó được thể hiện qua thái độ, tình cảm của bà cụ Tứ đối với con trai và con dâu. Với Tràng, bà cảm thấy tủi vì làm mẹ mà không giúp gì được cho con, để con phải "nhật" vợ trong cảnh túng đói. Trong tâm trạng của bà, sự ngạc nhiên, buồn, vui, lo âu...lẫn lộn. Tất cả đều xuất phát từ lòng thương con (phân tích một số chi tiết tiêu biểu). Với người con dâu, bà không hề rẻ rúng, mà ngược lại, tỏ ra gần gũi, chân tình, xoá đi mặc cảm ở chị (chú ý những câu nói chan chứa yêu thương của bà: "<i>Ừ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng</i>"; "<i>Cốt sao chúng mày hoà thuận là u mừng rồi</i>"; "<i>Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá...</i>").</p> <p>- Người mẹ gần đất xa trời lại là người bộc lộ niềm hi vọng mãnh liệt vào cuộc sống. Bà động viên các con bằng kinh nghiệm sống, bằng triết lí dân gian (<i>Ai giàu ba họ, ai khó ba đời...</i>); hướng tới ánh sáng (vui khi thấy Tràng thắp lên ngọn đèn trong căn nhà...); thu xếp lại nhà cửa cho quang quẻ, nề nếp với ý nghĩ đời sẽ khác đi, làm ăn có cơ khấm khá lên; bàn định về tương lai, khơi dậy trong con cái một niềm tin (nghĩ tới việc kiếm tiền mua đôi gà cho nó sinh sôi nảy nở, hi vọng về đời con cháu mình rồi sẽ sáng sủa hơn...).</p>	0,75 0,75
	<p>d. Kết luận</p> <p>- Ba nhân vật trong tác phẩm <i>Vợ nhật</i> được Kim Lân miêu tả rất sinh động. Ngoại hình, hành động, lời nói, nhất là diễn biến nội tâm của nhân vật dưới sự tác động của một tình huống đặc biệt được khắc hoạ rõ nét. Chính vì thế, những điều tác giả muốn khẳng định ở các nhân vật càng trở nên nổi bật.</p> <p>- Miêu tả nạn đói, Kim Lân không chỉ tái hiện bức tranh thê lương của cuộc sống, mà còn phát hiện được những phẩm chất cao quý của con người trong cảnh ngộ bi thảm. Qua đó, nhà văn bộc lộ cái nhìn hiện thực sắc sảo và tình cảm nhân đạo sâu sắc.</p>	0,5
	<p>Lưu ý câu 2: Thí sinh có thể làm bài theo trình tự phân tích các nhân vật như đáp án, hoặc nêu từng luận điểm và lần lượt phân tích các nhân vật để làm sáng tỏ, miễn sao đảm bảo được tính chỉnh thể của bài văn.</p>	

III	Bình giảng đoạn thơ trong bài <i>Kính gửi cụ Nguyễn Du của Tố Hữu:</i> "Tiếng thơ ai động đất trời...Khúc vui xin lại so dây cùng người !"	3,00
1	Giới thiệu chung	0,5
	<p>- Tố Hữu viết bài thơ <i>Kính gửi cụ Nguyễn Du</i> vào tháng 11-1965, nhân dịp ông có chuyến công tác vào tuyến lửa khu Bốn, qua huyện Nghi Xuân, quê hương Nguyễn Du. Được viết ra trong thời điểm cả dân tộc kỉ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du, bài thơ là tiếng nói tri âm sâu sắc của nhà thơ nay với đại thi hào trong quá khứ.</p> <p>- Đoạn trích thuộc phần cuối của bài thơ. Ở khổ thơ này, Tố Hữu đã có những đánh giá rất cao đối với sự nghiệp văn học của Nguyễn Du bằng những tình cảm ngưỡng mộ, trân trọng, ngợi ca.</p>	0,5
2	Bình giảng đoạn thơ	2,5
	<p>a. Hai câu mở đoạn: tôn vinh tiếng thơ Nguyễn Du ở mức cao nhất. Tiếng thơ ấy động cả đất trời, là lời non nước bất tử cùng thời gian.</p> <p>- Có thể hiểu từ "động" theo hai nghĩa: <i>làm xúc động</i> hoặc <i>làm vang vọng</i>. Cách hiểu nào cũng đều cho thấy thơ Nguyễn Du có sức tác động vô cùng mạnh mẽ.</p> <p>- Ở câu thứ hai, khi xem tiếng thơ Nguyễn Du là lời non nước vọng về, Tố Hữu đã vĩnh cửu hoá tác phẩm của Nguyễn Du bằng cách đồng nhất tiếng nói của một nhà thơ với tiếng nói của dân tộc. Sự nhấn mạnh bằng lối so sánh thậm xưng nhằm làm nổi bật ý: tiếng thơ Nguyễn Du là sự kết tinh tâm hồn dân tộc, và ngược lại, tâm hồn dân tộc qua tiếng thơ Nguyễn Du mà vọng đến muôn đời. Chú ý những đại lượng lớn về không gian và thời gian: <i>đất trời, non nước, ngàn thu...</i> được dùng để khẳng định tầm vóc lớn lao của di sản văn học mà Nguyễn Du để lại.</p>	0,75
	<p>b. Hai câu tiếp: khẳng định sự trường tồn của tác phẩm Nguyễn Du và cốt nghĩa nguyên nhân của sự trường tồn ấy.</p> <p>- "<i>Nghìn năm sau</i>" Nguyễn Du vẫn còn được nhớ tới, bởi với tình yêu thương con người bao la thì ở thời nào, ông cũng nhận được sự đồng cảm sâu sắc.</p> <p>- Chú ý hàm nghĩa phong phú của hai chữ "<i>tiếng thương</i>" và việc đưa hình ảnh "<i>tiếng mẹ ru</i>" làm đối tượng so sánh nhằm nhấn mạnh sự thiêng liêng mà gần gũi của tiếng thơ Nguyễn Du với mọi thời đại.</p>	0,75
	<p>c. Hai câu cuối: khẳng định Nguyễn Du vẫn sống cùng nhân dân, đất nước hôm nay.</p> <p>Trong hai câu thơ này, đại từ <i>Người</i> được sử dụng hai lần, biểu lộ sự tôn kính, trân trọng và sự tri âm của tác giả đối với Nguyễn Du. Tố Hữu xúc động mời gọi <i>Người xưa</i> trở về cuộc sống hiện tại để cùng hoà tấu "khúc vui" với con cháu hôm nay. Nguyễn Du vẫn luôn song hành với chúng ta trên mỗi bước đường. Đây là một cách thể hiện niềm tự hào của tác giả về thời đại mới.</p>	0,5
	<p>d. Kết luận</p> <p>- <i>Nội dung</i>: Nằm trong mạch cảm hứng chung của cả bài, đoạn thơ là sự ngợi ca cao nhất của Tố Hữu dành cho những giá trị văn học của đại thi hào Nguyễn Du.</p> <p>- <i>Nghệ thuật</i>: Câu thơ lục bát với âm điệu ngọt ngào, tha thiết (nhờ cách sử dụng những từ hô gọi, những đại từ nhân xưng...); dùng những đại lượng lớn về không gian và thời gian để đánh giá tầm vóc di sản văn học của Nguyễn Du; nghệ thuật so sánh giàu tính biểu cảm...</p>	0,5
	Lưu ý câu 3: Thí sinh có thể bố cục bài làm theo cách khác, nhưng phải đảm bảo kiến thức và thể hiện được năng lực cảm thụ, bình giảng thơ.	
	<p>Lưu ý chung toàn bài:</p> <p>- Chỉ cho điểm tối đa trong trường hợp thí sinh không những nói đủ ý cần thiết mà còn biết cách tổ chức bài văn, diễn đạt lưu loát, đúng văn phạm, không sai chính tả.</p> <p>- Có thể chấp nhận cách sắp xếp ý không hoàn toàn giống đáp án, miễn là đảm bảo tính logic; chấp nhận những ý ngoài đáp án, nhưng phải có cơ sở khoa học, hợp lí. Khuyến khích những kiến giải riêng thực sự có ý nghĩa, liên quan trực tiếp đến vấn đề.</p>	